

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN HOÀ BÌNH Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH BẠC LIÊU

Bản án số: 09/2025/DSST

Ngày 25/02/2025

“V/v tranh chấp Hợp đồng mua bán”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀ BÌNH, TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nam

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Liêu Tài Ngoánh
2. Ông Huỳnh Tài Em

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Hậu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Văn Hữu Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 109/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc *“Tranh chấp Hợp đồng mua bán”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2024/QĐXX-ST ngày 18 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* - Bà Lê Thị O, sinh năm 1965

Địa chỉ: Ấp Trường Công Nhựt, xã An Thạnh Đông, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng

Đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Ngọc Tú, sinh năm: 1980 *(Có mặt)*

Địa chỉ: Khóm 1, phường 1, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu

** Đồng bị đơn:* - Ông Từ Văn L, sinh năm: 1985 *(Có mặt)*

- Bà Chu Phạm Anh Thư, sinh năm: 1990 *(Vắng mặt)*

Cùng địa chỉ: Ấp 14, xã Vĩnh Hậu, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đại diện của phía nguyên đơn bà Lê Thị O trình bày: Vào năm 2018 bà Lê Thị O có giao dịch mua bán vật tư và thức ăn nuôi tôm với vợ chồng ông Từ Văn L và bà Chu Phạm Anh Thư. Quá trình mua bán có mở sổ theo dõi giao nhận hàng và thanh toán giữa các bên. Đến ngày 02/01/2019 có thỏa thuận ký Hợp đồng mua bán bằng văn bản với ông L và bà Thư theo đó phía bà O đồng ý bàn

cho ông L, bà Thư các mặt hàng vôi, thuốc thú y, thuốc thủy sản, thức ăn thủy sản... Hình thức mua bán ghi nợ, đối với vụ nuôi tôm sú thì thời hạn thanh toán tối đa là 06 tháng. Trường hợp quá thời hạn nêu trên, nếu không thanh toán đầy đủ thì phía người mua phải chịu lãi suất là 0,1%/tháng/số tiền nợ chậm thanh toán. Quá trình thực hiện hợp đồng phía bà O đã giao hàng hóa đúng số lượng và chủng loại theo đơn đặt hàng của ông L, bà Thư nhưng phía ông L và bà Thư không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo đúng thời hạn đã cam kết. Ngày 30/08/2022 hai bên có tiến hành đối chiếu công nợ và xác định tổng số tiền ông L, bà Thư còn nợ là 732.673.000 đồng. Ông L, bà Thư có ký vào biên nhận xác nợ công nợ cam kết sẽ thanh toán giải quyết nợ trong thời hạn 30 ngày và đồng ý khoản lãi chậm trả là 0,1%/tháng đối với số tiền nợ đến khi thanh toán xong. Tuy nhiên đến nay, ông L và bà Thư vẫn không thực hiện việc trả nợ theo cam kết. Nay bà Lê Thị O yêu cầu: *Buộc ông Từ Văn L và bà Chu Phạm Anh Thư phải trả cho bà O số tiền nợ gốc là 732.673.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 0,1/tháng, tạm tính từ ngày 30/08/2022 đến ngày 30/08/2024 là 24 tháng là $732.673.000 \text{ đồng} \times 01\% \times 24 \text{ tháng} = 175.841.520 \text{ đồng}$. Tổng cộng tiền nợ gốc và lãi là $732.673.000 \text{ đồng} + 175.841.520 \text{ đồng} = 908.514.520 \text{ đồng}$. Đồng thời yêu cầu ông L và bà Thư tiếp tục thanh toán trả lãi đối với tiền nợ gốc từ ngày 30/08/2024 đến khi trả dứt nợ.*

Theo đồng bị đơn – ông Từ Văn L trình bày: Qua trình bày của đại diện theo ủy quyền của bà O thì ông L cùng thống nhất xác định hiện tại còn nợ của bà Lê Thị O số tiền 908.514.520 đồng và đồng ý trả cho bà Lê Thị O số tiền 908.514.520 đồng. Ngoài ra ông không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa:

Ý kiến đại diện ủy quyền của bà O: Yêu cầu ông Từ Văn L và bà Chu Phạm Anh Thư phải trả cho bà O số tiền nợ gốc là 692.520.000 đồng (*trong đó tiền gốc 533.393.000 đồng; Tiền lãi là 159.127.000 đồng*); Rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 215.994.520 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình trình bày:

- *Về thủ tục tố tụng:* Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, xét thấy Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định pháp luật nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình không có ý kiến gì.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của bà Lê Thị O đòi ông Từ Văn L và bà Chu Phạm Anh Thư đòi số tiền mua thức ăn tôm và thuốc nuôi trồng thủy sản còn thiếu là 692.520.000 đồng (*trong đó tiền gốc 533.393.000 đồng; Tiền lãi là 159.127.000 đồng*); Buộc ông Từ Văn L và bà Chu Phạm Anh Thư có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị O số tiền 692.520.000 đồng (*trong đó tiền gốc 533.393.000 đồng; Tiền lãi là 159.127.000 đồng*); Đình chỉ một phần yêu cầu của bà Lê Thị O yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị O đối với ông Từ Văn L và bà Chu Phạm Anh Thư đối với số tiền gốc 199.280.000 đồng và số tiền lãi là 16.714.520 đồng; Về án phí: ông Từ Văn L và bà Chu Phạm Anh Thư nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Đây là vụ án tranh hợp đồng mua bán hàng hóa giữa nguyên đơn là Bà Lê Thị O và đồng bị đơn là Ông Từ Văn L, bà Chu Phạm Anh Thư theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Phan Cẩm Tú; Đồng bị đơn ông Từ Văn L có mặt; Đồng bị đơn bà Chu Thị Anh Thư vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án đã tổng đạt các thủ tục tố tụng dân sự cho bà Chu Thị Anh Thư theo quy định để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án theo yêu cầu của khởi kiện của bà Lê Thị O, nhưng bà Chu Thị Anh Thư vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Chu Thị Anh Thư

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Đối với yêu cầu đòi số nợ gốc 732.673.000 đồng*

[2.1.1] Quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa hôm nay ông Từ Văn L xác nhận việc vợ chồng ông với phía bà Lê Thị O có giao dịch mua bán thức ăn tôm, thuốc nuôi trồng thủy sản đúng như đại diện của bà O trình bày và xác nhận đến thời điểm hiện tại còn nợ ông L, bà Thư còn nợ tiền gốc là 533.393.000 đồng. Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự đây là tình tiết không phải chứng minh. Do đó yêu cầu đòi số nợ gốc 732.673.000 đồng của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ. Do đó chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị O đòi ông Từ Văn L và bà Chu Phạm Anh Thư; Buộc ông Từ Văn L và bà Chu Phạm Anh Thư có nghĩa vụ trả số tiền 533.393.000 đồng cho bà Lê Thị O.

[2.1.2] Tại phiên tòa đại diện của bà Lê Thị O rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số nợ gốc 199.280.000 đồng. Xét thấy đây là sự tự nguyện của bà O nên hội đồng xét xử ghi nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà O đối với số nợ gốc 199.280.000 đồng.

[2.2] *Đối với yêu cầu tính lãi 1% của bà Lê Thị O đối với ông Từ Văn L và bà Chu Phạm Anh Thư đối với số tiền 533.393.000 đồng*

Theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “1. *Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay*”.

Số tiền lãi được tính như sau: 533.393.000 đồng tiền gốc x lãi suất 01%/tháng x 29 tháng 25 ngày (*Tính từ ngày ngày 30/8/2022 đến ngày xét xử 25/02/2025*) = 159.127.000 đồng.

Do đó: Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Lê Thị O đòi ông Từ Văn L và bà Chu Phạm Anh Thư số tiền lãi 159.127.000 đồng (*Tính từ ngày ngày 30/8/2022 đến ngày xét xử 25/02/2025*)

Buộc ông Từ Văn L và bà Chu Phạm Anh Thư có nghĩa vụ trả số tiền lãi 159.127.000 đồng (*Tính từ ngày ngày 30/8/2022 đến ngày xét xử 25/02/2025*) cho bà Lê Thị O.

Tại phiên tòa đại diện của bà Lê Thị O rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số nợ lãi gốc 16.714.520 đồng. Xét thấy đây là sự tự nguyện của bà O nên hội đồng xét xử ghi nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà O đối với số nợ gốc 16.714.520 đồng.

[3] Về án phí Ông Từ Văn L và bà Chu Phạm Anh Thư phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Ý kiến của đại diện VKS nhân dân huyện Hòa Bình là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 165, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị Quyết số 26/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của bà Lê Thị O đòi ông Từ Văn L và bà Chu Phạm Anh Thư đòi số tiền mua thức ăn tôm và thuốc nuôi trồng thủy sản còn thiếu là 692.520.000 đồng (*trong đó tiền gốc 533.393.000 đồng; Tiền lãi là 159.127.000 đồng*)

2/ Buộc ông Từ Văn L và bà Chu Phạm Anh Thư có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị O số tiền 692.520.000 đồng (*trong đó tiền gốc 533.393.000 đồng; Tiền lãi là 159.127.000 đồng*)

3/ Đình chỉ một phần yêu cầu của bà Lê Thị O yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị O đối với ông Từ Văn L và bà Chu Phạm Anh Thư đối với số tiền gốc 199.280.000 đồng và số tiền lãi là 16.714.520 đồng.

4/ Án phí sơ thẩm dân sự, vợ chồng ông Từ Văn L và bà Chu Phạm Anh Thư phải chịu là 31.700.000 đồng nộp tại chi cục thi hành án huyện Hòa Bình. bà Lê Thị O đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 19.628.000 tại biên lai thu số 0005611 ngày 03 tháng 10 năm 2024 được hoàn lại toàn bộ tại chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu

cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi Nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu,
- VKSND huyện Hòa Bình.
- Chi cục THA dân sự huyện Hòa Bình
- Các đương sự.
- Lưu

Lê Thị Nam